

Họ và tên thí sinh:

Số báo danh :

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Loại thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Ngập lụt B. Sương muối. C. Lũ quét. D. Rét hại.

Câu 2: Đặc điểm nào sau đây đúng với cơ cấu xã hội của dân số nước ta hiện nay?

- A. Dân số có xu hướng già hóa. B. Đang có cơ cấu dân số vàng.
C. Dân số nữ ít hơn dân số nam. D. Tỷ lệ biết chữ đang tăng lên.

Câu 3: Giải pháp chủ yếu để phát triển hiệu quả các ngành kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hiện nay là

- A. tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, phát triển dịch vụ logistics.
B. đầu tư hạ tầng, tăng cường liên kết giữa các ngành, bảo vệ môi trường biển.
C. đẩy mạnh quảng bá, phát triển dịch vụ, thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài.
D. nâng cao chất lượng lao động, phát triển dịch vụ quốc tế, mở rộng thị trường.

Câu 4: Cho bảng số liệu sau:

Sản lượng thủy sản phân theo ngành hoạt động của nước ta giai đoạn 2015 – 2024

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2019	2024
Khai thác	3 176,5	3 829,3	3 874,2
Nuôi trồng	3 550,7	4 592,0	5 233,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Năm 2024 so với năm 2015, sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
B. Trong giai đoạn 2015 – 2024, tỉ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta có xu hướng giảm liên tục.
C. Trong các năm trên, tỉ lệ sản lượng thủy sản nuôi trồng luôn lớn hơn tỉ lệ sản lượng thủy sản khai thác.
D. Năm 2024 so với năm 2019, sản lượng thủy sản khai thác tăng nhiều hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

Câu 5: Giao thông đường biển của nước ta hiện nay

- A. tính cơ động, linh hoạt cao. B. đã có nhiều tuyến quốc tế.
C. chủ yếu vận chuyển người. D. quy mô các cảng đều nhỏ.

Câu 6: Chăn nuôi trâu, bò ở nước ta hiện nay

- A. đã chú trọng chế biến sản phẩm. B. chưa phát triển chăn nuôi bò sữa.
C. số lượng đàn trâu tăng rất nhanh. D. phát triển mạnh ở vùng đông dân.

Câu 7: Loại tài nguyên khoáng sản biển nào sau đây của nước ta hiện đang được khai thác và sử dụng trực tiếp làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện?

- A. Ti-tan. B. Khí tự nhiên. C. Cát trắng. D. Dầu mỏ.

Câu 8: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sản lượng dầu thô xuất khẩu của nước ta gần đây giảm?

- A. Giá dầu thế giới giảm, nhu cầu nhập khẩu yếu, phát triển năng lượng tái tạo.
B. Các mỏ dầu lớn suy giảm, nhu cầu nội địa tăng, ưu tiên chế biến trong nước.
C. Thực hiện tiết kiệm tài nguyên, bị Trung Đông cạnh tranh, thị trường thu hẹp.
D. Thăm dò vùng nước sâu hạn chế, chi phí khai thác cao, thị trường biến động.

Câu 9: Việc bảo vệ môi trường mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế – xã hội hiện nay ở Đông Nam Bộ?

- A. Tạo cảnh quan xanh sạch đẹp, nâng cao chất lượng sống, thúc đẩy tăng trưởng.
- B. Thu hút nhiều nguồn đầu tư, mở rộng hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế của vùng.
- C. Môi trường sống xanh, hạn chế tác động tiêu cực, bảo đảm phát triển bền vững.
- D. Đảm bảo nguyên liệu, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống.

Câu 10: Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

- A. thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- B. gia tăng lao động có kỹ thuật, trình độ cao.
- C. ngày càng mở rộng không gian phát triển.
- D. tăng tỉ trọng ngành công nghiệp, xây dựng.

Câu 11: Cây hàng năm ở nước ta hiện nay

- A. phân bố tập trung ở vùng núi.
- B. diện tích nhỏ hơn cây lâu năm.
- C. sản xuất theo hướng tập trung.
- D. phần lớn nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 12: Lao động của nước ta hiện nay

- A. phân bố hợp lý giữa các vùng.
- B. có lực lượng lao động dồi dào.
- C. tỉ lệ lao động nông thôn tăng.
- D. phần lớn đều đã qua đào tạo.

Câu 13: Nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là

- A. tư liệu sản xuất.
- B. hàng nông sản.
- C. nguyên liệu thô.
- D. hàng tiêu dùng.

Câu 14: Ảnh hưởng của vị trí địa lý đến thiên nhiên nước ta là

- A. khí hậu và sông ngòi phân mùa rõ rệt, sinh vật đa dạng, chủ yếu đất feralit.
- B. khí hậu nóng ẩm, sinh vật nhiệt đới, đất phù sa màu mỡ, sông nhiều nước.
- C. khí hậu phân mùa, mạng lưới sông ngòi dày đặc, sinh vật và đất đa dạng.
- D. khí hậu nhiệt đới, sông ngòi giàu phù sa, sinh vật và đất phân hóa đa dạng.

Câu 15: Vị trí địa lý của nước ta

- A. phía bắc tiếp giáp Trung Quốc.
- B. ở trung tâm bán đảo Trung Ấn.
- C. phía tây tiếp giáp với Thái Lan.
- D. có ba mặt giáp với Biển Đông.

Câu 16: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện trực tiếp qua yếu tố nào sau đây?

- A. Nhiệt độ.
- B. Lượng mưa.
- C. Độ ẩm.
- D. Sinh vật.

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lý và lãnh thổ của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Diện tích lớn nhất cả nước.
- B. Vị trí chiến lược quan trọng.
- C. Phía tây tiếp giáp với Lào.
- D. Không tiếp giáp Trung Quốc.

Câu 18: Đồng bằng sông Cửu Long có thể mạnh nổi bật nào sau đây?

- A. Trồng cây lương thực.
- B. Khai thác quặng sắt.
- C. Trồng cây cận nhiệt.
- D. Phát triển thủy điện.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long hiện là vùng trọng điểm thủy sản lớn nhất cả nước, cung cấp phần lớn sản lượng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Ngành thủy sản vừa tạo nguồn thu ngoại tệ lớn, vừa giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động, góp phần nâng cao đời sống và phát triển kinh tế của vùng.

- a) Giải pháp trực tiếp để tăng sản lượng thủy sản nuôi trồng của vùng là đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng công nghệ cao và mở rộng thị trường.
- b) Tăng cường liên kết trong sản xuất thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả kinh tế, ổn định xã hội và đảm bảo phát triển bền vững.
- c) Cơ sở để phát triển ngành thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long là có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và vùng biển rộng.
- d) Xuất khẩu thủy sản của vùng chủ yếu dựa vào sản phẩm nuôi trồng.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Ngành bưu chính viễn thông của nước ta đang phát triển nhanh chóng, hiện đại hóa mạnh mẽ, đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi số quốc gia. Đây là lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao, mạng lưới rộng khắp và dịch vụ ngày càng đa dạng.

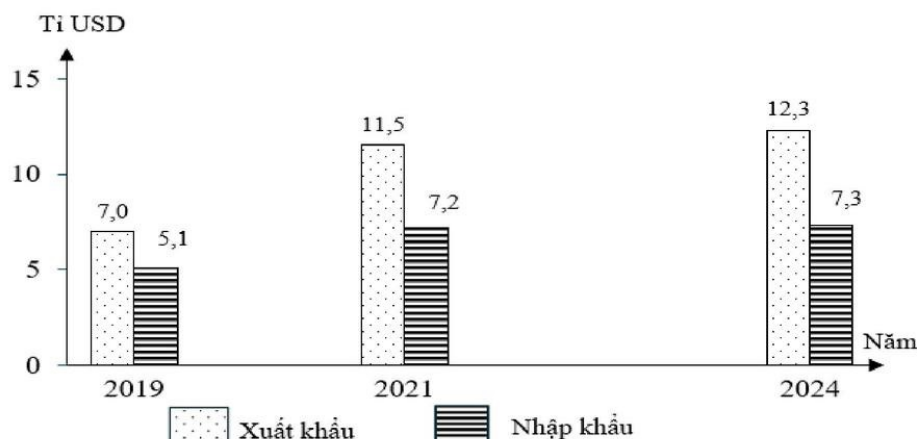
- a) Ngành bưu chính viễn thông ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta.
- b) Ngành bưu chính viễn thông phát triển góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, kết nối vùng miền và hội nhập quốc tế.
- c) Giải pháp phát triển của ngành hiện nay là tập trung vào mở rộng mạng lưới số, nâng cao chất lượng dịch vụ và toàn cầu hóa thông tin.
- d) Hiện đại hóa hạ tầng viễn thông là cơ sở quan trọng giúp nước ta thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy kinh tế số.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có địa hình đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế, đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. Khí hậu mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống. Miền giàu tài nguyên khoáng sản, rừng và biển, đồng thời có mạng lưới sông ngòi dày đặc, thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội.

- a) Do tác động của các dãy núi hình vòng cung đã làm cho miền có mùa đông lạnh nhất cả nước.
- b) Miền cần đẩy mạnh khai thác tài nguyên để tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao mức sống và phát triển bền vững.
- c) Khí hậu của miền phân mùa rõ rệt tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí mùa vụ, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và cho năng suất cây trồng, vật nuôi cao.
- d) Tự nhiên của miền thuận lợi để phát triển đa dạng các ngành kinh tế.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây giai đoạn 2019 – 2024

(Nguồn: ASEAN 2025 Statistical Highlights 2025, <https://www.aseanstats.org>)

- a) Trong giai đoạn 2019 – 2024, trị giá nhập siêu và tỉ lệ trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây có xu hướng tăng.
- b) Giá dầu thế giới hiện nay biến động mạnh sẽ làm cho cán cân thương mại của Bru-nây không ổn định.
- c) Năm 2024 so với năm 2019, trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây có tốc độ tăng nhanh hơn nhiều so với xuất khẩu.
- d) Trong giai đoạn 2019 – 2024, trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Bru-nây có xu hướng tăng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng tại trạm quan trắc Đà Nẵng năm 2020 và năm 2024 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Năm 2020	46,2	3,7	30,3	114,0	64,2	0,4	56,0	67,4	309,3	1 754,9	486,2	143,6
Năm 2024	38,3	8,2	0,9	4,1	205,5	27,7	164,7	56,9	370,0	681,7	608,9	443,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tại trạm quan trắc Đà Nẵng, chênh lệch tổng lượng mưa trung bình năm 2024 so với tổng lượng mưa trung bình năm 2020 là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

GDP, tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP của nước ta năm 2020 và năm 2024

Năm	2020	2024
GDP (theo giá hiện hành) (nghìn tỉ đồng)	8 044,4	11 510,3
Trong đó: Công nghiệp và xây dựng (%)	36,7	37,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 so với năm 2020, giá trị sản xuất của ngành công nghiệp và xây dựng nước ta (theo giá hiện hành) tăng bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng tại trạm quan trắc Nha Trang năm 2024

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,3	26,0	27,2	29,3	30,2	29,8	29,0	29,6	28,8	27,9	26,9	25,3
Lượng mưa(mm)	45,5	16,8	2,9	0,0	115,3	26,9	56,7	32,9	132,2	119,8	99,5	307,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 tại trạm quan trắc Nha Trang có bao nhiêu tháng hạn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4: Năm 2024, sản lượng chè búp của nước ta là 1 154,1 nghìn tấn, trong đó sản lượng chè búp của Trung du và miền núi phía Bắc chiếm 74,2% cả nước. Hãy cho biết năm 2024, sản lượng chè búp của Trung du và miền núi phía Bắc là bao nhiêu nghìn tấn (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5: Năm 2024, nước ta có số học sinh phổ thông là 18 564,9 nghìn người và số giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là 817,7 nghìn người. Hãy cho biết năm 2024, số học sinh phổ thông bình quân trên một giáo viên phổ thông trực tiếp giảng dạy là bao nhiêu học sinh/giáo viên (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Tổng số trang trại và số trang trại trồng trọt của nước ta năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: trang trại)

Năm	2020	2024
Tổng số trang trại	23 662	26 111
Trong đó: Trang trại trồng trọt	6 605	8 035

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2024 so với năm 2020, tỉ lệ số lượng trang trại trồng trọt trong tổng số trang trại của nước ta tăng bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.